

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HS-ST

Ngày: 05-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi

2. Ông Trương Công Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/HSST-QĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 15/2023/TB-TA ngày 27 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/HSST-QĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 18/2023/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Quang T, sinh ngày 12/7/2003 tại H; Nơi cư trú: Số nhà 50, khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị Thu H1 - Văn phòng luật sư T2, Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 39A, phố H2, quận H3, thành phố H. (có mặt)

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975. (có mặt)

Nơi cư trú: Lô 12, khu đô thị Đ1, tổ 02, xã P, thành phố T3, tỉnh T3.

- Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1993. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H4, xã Q1, huyện Q2, tỉnh T3.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D:

Luật sư Phạm Văn H5 - Văn phòng luật sư T3, Đoàn luật sư tỉnh T3. Địa chỉ: Số 240, đường T4, thành phố T3, tỉnh T3. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 50, khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố H.

Người làm chứng:

- Bà Đoàn Thị N1, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi cư trú: Lô 12, khu đô thị Đ1, tổ 02, xã P, thành phố T3, tỉnh T3.

- Chị Đoàn Thị Q3, sinh năm 1990. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 56, đường T5, tổ 08, phường T6, thành phố T3, tỉnh T3.

- Chị Nguyễn Thị Thu H6, sinh năm 2003. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Lô 12, khu đô thị Đ1, tổ 02, xã P, thành phố T3, tỉnh T3.

- Chị Đỗ Thị Quỳnh A, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 12, phường T7, thành phố T3, tỉnh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang T có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Thu H6 từ khoảng đầu năm 2022 nhưng bố mẹ của chị H6 là anh Nguyễn Văn D và chị Đoàn Thị

N1 không đồng ý cho T và chị H6 yêu nhau. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/10/2022, T đi từ nhà tại thị trấn V, thành phố H sang nhà chị H6 tại xã P, thành phố T3, tỉnh T3 để đón chị H6 đi chơi. Khoảng 11 giờ cùng ngày khi T và chị H6 đang đi chơi thì ông D gọi điện bảo chị H6 về nhà ăn cơm nhưng chị H6 không về mà tiếp tục đi chơi cùng T. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, ông D tiếp tục gọi điện mắng chị H6, cấm chị H6 không được yêu T và yêu cầu cả hai về nhà để nói chuyện. Sau khi nghe điện thoại của ông D, T và chị H6 cùng nảy sinh ý định mua dao với mục đích khi về nhà nói chuyện với bố mẹ chị H6 nếu bố mẹ chị H6 vẫn tiếp tục cấm T và chị H6 yêu nhau thì cả hai sẽ dùng dao dọa tự tử để gây áp lực với bố mẹ chị H6. T cùng chị H6 đi đến cửa hàng bán đồ gia dụng của chị Đỗ Thị Quỳnh A mua 01 con dao dài 31 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh với giá 40.000 đồng. T trả tiền mua dao rồi bỏ dao vào túi quần bên phải, cán dao thò ra ngoài, T cho áo phông đang mặc che đi. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và chị H6 đi về nhà chị H6, cả hai cùng đi lên tầng 5 thì gặp ông D, bà N1 và chị Đoàn Thị Q3 là dì ruột của chị H6 đang ngồi nói chuyện tại bàn ăn. Sau đó, T và chị H6 ngồi nói chuyện với ông D, bà N1, chị Q3. Khi nói chuyện ông D tiếp tục ngăn cấm T và chị H6 yêu nhau nên giữa T và ông D xảy ra to tiếng cãi nhau. Lúc này, anh Đoàn Văn Q là cậu ruột của chị H6 đi đến, dùng tay trái túm cổ áo T, kéo T về phía khu vực bàn bida ở tầng 5 và nói “mày đi ra đây với tao” đồng thời dùng tay phải tát vào mặt của T và đẩy T về phía bàn bida rồi tiếp tục dùng tay phải tát vào mặt T. Sau khi bị anh Q tát lần thứ hai vào mặt, T liền dùng tay phải rút con dao để ở túi quần bên phải đang mặc giơ lên chém một nhát theo hướng từ phải sang trái trúng vào vùng cổ tay bên trái của anh Q, anh Q liền đẩy T về phía cuối bàn bida. Lúc này ông D chạy lại phía sau anh Q và giơ tay trái về phía T mục đích để túm người T thì T tiếp tục dùng dao bằng tay phải chém một nhát từ trên xuống dưới trúng vào phần giữa ngón áp út và ngón giữa bàn tay trái của ông D và suýt qua vùng ngực của anh Q. Ông D và anh Q tiếp tục lao về phía T thì T tiếp tục dùng dao chém 02 đến 03 phát nữa về phía ông D và anh Q. Sau đó, anh Q không chế được T đè xuống nền nhà, lúc này bà N1 chạy lại dùng hai tay gỡ con dao ra khỏi tay phải của T. Ông D và anh Q bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T3, sau đó cả hai được chuyển lên Bệnh viện hữu nghị V1.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 427/22/TgT ngày 31/10/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế T3 đối với thương tích của ông Nguyễn Văn D kết luận dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da, mất đốt 3 ngón 3 bàn tay trái, gãy chỏm xương bàn ngón 4 bàn tay trái, đứt gân gấp nông sâu ngón 4 bàn tay trái, đứt gân dạng đuôi ngắn bàn tay trái, đứt gân đuôi cổ tay quay dài – quay ngắn bàn tay trái. Bệnh nhân mới phẫu thuật và tay trái còn đang mang nẹp bột nên chưa đánh

giá được việc gãy chỏm xương bàn ngón 4 và đứt các gân cơ của bàn tay trái có ảnh hưởng tới các chức năng khác của bàn tay trái hay không. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 18%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 428/22/TgT ngày 31/10/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế T3 đối với thương tích của anh Đoàn Văn Q kết luận dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da vùng cổ trái, vùng ngực phải, vùng tay trái, đứt gân dạng dài, gân duỗi ngắn, gân duỗi cổ tay quay trái, đứt gân duỗi dài ngón cái bàn tay trái, đứt gân duỗi riêng ngón út bàn tay trái, đứt gân duỗi cổ tay trụ bàn tay trái. Bệnh nhân mới phẫu thuật và tay trái còn đang mang nẹp bột nên chưa đánh giá được việc tổn thương các gân cơ có ảnh hưởng đến chức năng các ngón và bàn tay trái không. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 08/23/TgT ngày 10/01/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế T3 đối với ông Nguyễn Văn D kết luận dấu hiệu chính qua giám định bổ sung: Tổn thương do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da, mất đốt 3 ngón 3 bàn tay trái, gãy chỏm xương bàn ngón 4 bàn tay trái, đứt gân gấp nông - sâu ngón 4 bàn tay trái, đứt gân dạng duỗi ngắn bàn tay trái, đứt gân duỗi cổ tay quay dài – quay ngắn bàn tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung là 24%.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số 09/23/TgT ngày 10/01/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế T3 đối với thương tích của anh Đoàn Văn Q kết luận dấu hiệu chính qua giám định bổ sung: Tổn thương do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da vùng cổ trái, vùng ngực phải, vùng tay trái, đứt gân dạng dài, gân duỗi ngắn, gân duỗi cổ tay quay trái, đứt gân duỗi dài ngón cái bàn tay trái, đứt gân duỗi riêng ngón út bàn tay trái, đứt gân duỗi cổ tay trụ bàn tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 17%.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông số tiền 115.155.000 đồng, bao gồm: tiền xe cấp cứu 3.400.000 đồng, tiền chi tiêu ăn uống 2.000.000 đồng, tiền viện phí và thuốc 9.755.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng. Anh Đoàn Văn Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho anh số tiền 71.152.000 đồng, bao gồm: tiền chi tiêu ăn uống 2.000.000 đồng, tiền viện phí và thuốc 9.152.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 60.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2022, gia đình bị cáo Trần Quang T đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 15/02/2023, gia đình bị cáo Trần Quang T đã bồi thường cho anh Đoàn Văn Q số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 11/5/2023, gia đình bị cáo Trần Quang T đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 90.000.000 đồng và bồi thường cho anh Đoàn Văn Q số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn D là 100.000.000 đồng, anh Đoàn Văn Q là 60.000.000 đồng. Ông D và anh Q đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản gì và có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo Trần Quang T hoàn trả khoản tiền mà bà đã thay T bồi thường cho ông D và anh Q.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKSTPTB ngày 23/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T3, tỉnh T3 truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang T mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.
- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh, đồng ý với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra và có thành tích xuất sắc trong học tập theo điểm e, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo còn có ông nội là đảng viên 44 năm tuổi đảng, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D đồng ý về tội danh, đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ ăn năn hối cải vì chưa thực sự thấy được sự ăn năn của bị cáo và bị cáo bị tạm giam nên cần xem xét việc áp dụng tình tiết bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại.

Bị hại là ông Nguyễn Văn D đồng ý với quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, giấy chứng nhận thương tích, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 24/10/2022, tại lô 12, khu đô thị Đ1, tổ 2, xã P, thành phố T3, tỉnh T3, do có mâu thuẫn vì bị ngăn cấm chuyện tình cảm nên giữa Trần Quang T và gia đình của bạn gái là chị Nguyễn Thị Thu H6 xảy ra cãi nhau và do bị anh Đoàn Văn Q dùng tay phải tát hai cái vào mặt, Trần Quang T đã dùng dao chém nhiều nhát làm ông Nguyễn

Văn D bị rách da, tổ chức dưới da, mất đốt 3 ngón 3 bàn tay trái, gãy chỏm xương bàn ngón 4 bàn tay trái, đứt gân gấp nông - sâu ngón 4 bàn tay trái, đứt gân dạng đuôi ngắn bàn tay trái, đứt gân đuôi cổ tay quay dài – quay ngắn bàn tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24%, anh Đoàn Văn Q bị rách da, tổ chức dưới da vùng cổ trái, vùng ngực phải, vùng tay trái, đứt gân dạng dài, gân đuôi ngắn, gân đuôi cổ tay quay trái, đứt gân đuôi dài ngón cái bàn tay trái, đứt gân đuôi riêng ngón út bàn tay trái, đứt gân đuôi cổ tay trụ bàn tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 17%.

Hành vi của Trần Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điều 134: *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình có thể gây thương tích cho người khác nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là một con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc một cạnh, đầu nhọn dài 20cm gây nên thương tích 24% cho ông Nguyễn Văn D và gây nên thương tích 17% cho anh Đoàn Văn Q.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Trần Quang T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị hại cũng có lỗi nên được áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra và điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo có thành tích xuất sắc trong học tập. Tuy nhiên, trong trường hợp này, T hoàn toàn có thể tự chủ, tự kiểm chế được hành vi của mình nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sĩ thu đua. Vì vậy, mặc dù trong quá trình học tập T được nhà trường tặng giấy khen, đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố dành cho học sinh trung học nhưng cũng không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe các bị hại nên phải bồi thường cho các bị hại những khoản chi phí điều trị theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, bồi thường ngày công không lao động được, bồi thường tổn thất tinh thần và tiền công người chăm sóc trong những ngày bị hại điều trị theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Trần Quang T đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 100.000.000 đồng, anh Đoàn Văn Q số tiền 60.000.000 đồng. Ông D và anh Q đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu bồi thường nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc một cạnh, đầu

nhọn dài 20 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh dài 11cm là hung khí bị cáo gây thương tích cho các bị hại nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo Trần Quang T hoàn trả khoản tiền mà bà đã thay T bồi thường cho ông D và anh Q.

[10] Đối với hành vi của anh Đoàn Văn Q dùng tay tát vào mặt bị cáo Trần Quang T, quá trình điều tra T không yêu cầu giám định thương tích. Công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với anh Đoàn Văn Q.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/10/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 31cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20 cm, cán dao bằng nhựa màu xanh.

(Vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/3/2023).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Quang T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý